TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Số: 244 /NĐBR-TCKT
V/v Công bố thông tin BCTC
Năm 2017 Sau kiểm toán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa, ngày 29 tháng 03 năm 2018

Kính gửi:
- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

1. Tên TCPH: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
2. Tên giao dịch: Ba Ria Thermal Power Joint stock Company
3. Mã chứng khoán: BTP
4. Trụ sở chính: Khu phố Hương Giang, P. Long Hương, thành phố Bà Rịa, tỉnh BRVT
5. Điện thoại: 0254. 2212 811 Fax: 0254. 3825 985
6. Sàn giao dịch: HOSE
7. Người thực hiện CBTT: Bà Trần Thị Bảo Xuân. Điện thoại: 0963 735 566
8. Nội dung của thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính Năm 2017 Sau kiểm toán của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa được lập ngày 26/03/2018, bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

- Nội dung giải trình (Lợi nhuận giảm so với cùng kỳ năm trước): Công văn số 243/NĐBR-TCKT ngày 29/03/2018 về việc giải trình nguyên nhân lợi nhuận năm 2017 giảm so với cùng kỳ năm trước và chênh lệch số liệu trước và sau soát xét của kiểm toán.

9. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ BCTC Năm 2017 Sau kiểm toán: www.btp.com.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đăng Website BTP;
- Lưu VT,TCKT.

TUQ.TỔNG GIÁM ĐỐC
KẾ TOÁN TRƯỞNG

M.S.D.N: 3500701305 C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA TP. BÀ RỊA-T. BÀ RỊA VŨNG TÀU

Trần Thị Bảo Xuân

KPMG

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số	3500701305	ngày 1 tháng 11 năm 2007
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3500701305 ngày 12 tháng 5 năm 2016. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Huỳnh Lin	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Ủy viên
	Ông Lê Thế Sơn	Ủy viên
	Ông Phạm Quốc Thái	Ủy viên
	Ông Đoàn Ngọc Nhân	Ủy viên (đến ngày 31 tháng 5 năm 2017)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
	Ông Lê Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 6 tháng 7 năm 2017)
	Ông Phạm Quốc Thái	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 15 tháng 11 năm 2017)
Trụ sở đăng ký	Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương Thành phố Bà Rịa Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Tuyên bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc về báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính cho mỗi giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm. Khi lập các báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn các nguyên tắc kế toán phù hợp và áp dụng các nguyên tắc này một cách thích hợp;
- Đưa ra đánh giá và ước tính hợp lý và thận trọng;
- Tuyên bố việc tuân thủ các nguyên tắc kế toán, trừ những ngoại lệ đã được thuyết minh và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định này không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận Công ty đã tuân theo những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sự đúng đắn của việc ghi chép sổ sách kế toán của Công ty và những sổ sách này cung cấp một cách tương đối chính xác thông tin tài chính của Công ty tại mọi thời điểm. Ban Tổng Giám đốc cũng có trách nhiệm bảo vệ tài sản của Công ty và do đó có trách nhiệm thực hiện các bước hợp lý nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và bất thường.

Phê duyệt báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

M.S.D.N: 3500701305 CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA TP. BÀ RỊA - BÀ RỊA VŨNG TÀU

Nguyễn Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 26 tháng 3 năm 2018

KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 37.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

KPMG Limited Branch in Ho Chi Minh City, a branch of KPMG Limited, a Vietnamese one member limited liability company and a member firm of the KPMG network of independent member firms affiliated with KPMG International Cooperative ("KPMG International"), a Swiss entity.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần nhiệt điện Bà Rịa tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Báo cáo soát xét số: 17-01-284

Hà Vũ Định	Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề Kiểm toán số 0414-2018-007-1	Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề Kiểm toán số 0304-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	**100**		**2.368.866.159.421**	**1.300.389.309.487**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**326.483.621.660**	**216.843.435.731**
Tiền	111		1.483.621.660	3.843.435.731
Các khoản tương đương tiền	112		325.000.000.000	213.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**552.000.000.000**	**620.500.000.000**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	552.000.000.000	620.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**1.323.258.703.562**	**300.597.848.459**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.248.251.778.846	279.199.611.783
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		716.675.000	241.756.500
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	74.651.448.315	21.517.678.775
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(361.198.599)	(361.198.599)
Hàng tồn kho	**140**	**9**	**148.961.187.031**	**149.739.656.095**
Hàng tồn kho	141		148.961.187.031	149.928.594.423
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(188.938.328)
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**18.162.647.168**	**12.708.369.202**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		420.033.371	441.073.348
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	15(b)	15.115.126.323	10.880.912.738
Thuế thu nhập cá nhân	153	15(b)	2.627.487.474	1.386.383.116

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	**200**		**605.619.999.084**	**506.131.149.279**
Tài sản cố định	**220**		**198.756.587.212**	**159.388.768.593**
Tài sản cố định hữu hình	221	10	198.756.587.212	159.388.768.593
Nguyên giá	222		*2.540.687.172.031*	*2.476.344.129.214*
Giá trị hao mòn lũy kế	223		*(2.341,930.584.819)*	*(2.316.955.360.621)*
Tài sản cố định vô hình	227	11	-	-
Nguyên giá	228		*3.889.064.839*	*3.889.064.839*
Giá trị hao mòn lũy kế	229		*(3.889.064.839)*	*(3.889.064.839)*
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**64.771.181.148**	**18.648.769.392**
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	64.771.181.148	18.648.769.392
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**6(b)**	**327.336.281.400**	**314.534.669.893**
Đầu tư vào công ty liên kết	252		83.750.000.000	83.750.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		273.500.927.800	273.500.927.800
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(29.914.646.400)	(42.716.257.907)
Tài sản dài hạn khác	**260**		**14.755.949.324**	**13.558.941.401**
Chi phí trả trước dài hạn	261		875.985.150	836.066.644
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	13.879.964.174	12.722.874.757
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**2.974.486.158.505**	**1.806.520.458.766**

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**1.852.930.873.478**	**700.253.394.145**
Nợ ngắn hạn	**310**		**1.359.046.201.093**	**212.466.063.374**
Phải trả người bán	311	14	1.181.945.880.951	25.065.128.308
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	15(a)	17.032.695.915	20.302.328.224
Phải trả người lao động	314		21.272.618.679	37.069.804.359
Chi phí phải trả	315	16	1.693.385.381	2.596.261.213
Phải trả khác	319	17	6.939.181.985	10.142.462.333
Vay ngắn hạn	320	18(a)	54.876.074.734	48.778.733.097
Dự phòng phải trả	321	19	69.399.820.871	63.614.373.786
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	5.886.542.577	4.896.972.054
Nợ dài hạn	**330**		**493.884.672.385**	**487.787.330.771**
Vay dài hạn	338	18(b)	493.884.672.385	487.787.330.771
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**		**1.121.555.285.027**	**1.106.267.064.621**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**21**	**1.121.555.285.027**	**1.106.267.064.621**
Vốn cổ phần	411	22	604.856.000.000	604.856.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		7.560.228.689	7.560.228.689
Quỹ đầu tư và phát triển	418		107.472.531.553	89.496.549.229
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		20.035.100.608	20.035.100.608
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		381.631.424.177	384.319.186.095
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*289.481.777.771*	*264.479.303.935*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*92.149.646.406*	*119.839.882.160*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**2.974.486.158.505**	**1.806.520.458.766**

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Người lập:		Người duyệt:
Huỳnh Thị Huyền Trang	Trần Thị Bảo Xuân	Nguyễn Tiến Dũng
Kế toán tổng hợp	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**25**	**2.443.914.353.308**	**1.667.847.250.820**
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	**11**	**26**	**2.320.201.067.542**	**1.542.525.018.032**
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	**20**		**123.713.285.766**	**125.322.232.788**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	95.755.706.774	131.370.782.528
Chi phí tài chính	22	28	78.255.576.919	74.454.914.995
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*13.441.028.109*	*13.535.204.068*
Chi phí bán hàng	25		39.481.415	45.761.974
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	33.278.483.093	31.922.253.427
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)	**30**		**107.895.451.113**	**150.270.084.920**
Thu nhập khác	31		133.636.876	428.297.058
Chi phí khác	32		3.835.085	1.940.563.011
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	**40**		**129.801.791**	**(1.512.265.953)**
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**108.025.252.904**	**148.757.818.967**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**31**	**17.032.695.915**	**31.653.077.564**
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	**52**	**31**	**(1.157.089.417)**	**(2.735.140.757)**
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**92.149.646.406**	**119.839.882.160**
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1.523	1.981

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Người lập:		Người duyệt:
Huỳnh Thị Huyền Trang	Trần Thị Bảo Xuân	Nguyễn Tiến Dũng
Kế toán tổng hợp	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**01**		**108.025.252.904**	**148.757.818.967**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		25.064.253.198	20.463.008.501
Các khoản dự phòng	03		56.409.271.036	66.225.795.709
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		63.972.108.956	8.246.404.670
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(80.499.858.136)	(66.349.131.158)
Chi phí lãi vay	06		13.441.028.109	13.535.204.068
(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		**186.412.056.067**	**190.879.100.757**
Biến động các khoản phải thu	09		(1.010.570.228.772)	210.164.407.165
Biến động hàng tồn kho	10		967.407.392	13.625.255.776
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		1.074.214.328.574	(271.534.965.794)
Biến động chi phí trả trước	12		(18.878.529)	(565.238.119)
			251.004.684.732	**142.568.559.785**
Tiền lãi vay đã trả	14		(13.406.943.746)	(13.489.679.464)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(20.302.328.224)	(43.039.188.499)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(15.386.255.477)	(16.268.645.388)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	**20**		**201.909.157.285**	**69.771.046.434**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(110.554.483.573)	(102.786.414.397)
Tiền chi đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	23		(632.000.000.000)	(300.500.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	24		700.500.000.000	294.000.000.000
Tiền thu lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		61.742.740.082	71.663.861.715
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	**30**		**19.688.256.509**	**(37.622.552.682)**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		261.000.000.000	152.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(312.777.425.705)	(200.029.059.944)
Tiền trả cổ tức	36		(60,179,802,160)	(60.156.699.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	**40**		**(111.957.227.865)**	**(108.185.759.144)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		**109.640.185.929**	**(76.037.265.392)**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**60**		**216.843.435.731**	**292.880.701.123**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	**70**	**5**	**326.483.621.660**	**216.843.435.731**

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Người lập:		Người duyệt
Huỳnh Thị Huyền Trang	Trần Thị Bảo Xuân	Nguyễn Tiến Dũng
Kế toán tổng hợp	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý vận hành sửa chữa bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, công trình điện; sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 283 nhân viên (1/1/2017: 289 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa và vật kiến trúc	6 – 50 năm
▪ Máy móc và thiết bị	6 – 20 năm
▪ Phương tiện vận tải	6 – 15 năm
▪ Dụng cụ quản lý	3 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng là 10 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu tiêu thụ điện

Doanh thu tiêu thụ điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(iv) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(n) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(o) Lãi trên cổ phiếu (EPS)

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Trong năm Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(p) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Báo cáo bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất kinh doanh điện năng và một bộ phận địa lý là Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	106.372.377	285.353.079
Tiền gửi ngân hàng	1.377.249.283	3.558.082.652
Các khoản tương đương tiền	325.000.000.000	213.000.000.000
	326.483.621.660	216.843.435.731

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc một tháng tại Ngân hàng TMCP An Bình và hưởng lãi suất từ 4,8% tới 5,2%/năm (2016: 4,8%/năm).

6. Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	502.000.000.000	502.000.000.000	540.500.000.000	540.500.000.000
▪ Tiền gửi có kỳ hạn tại Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực	50.000.000.000	50.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
	552.000.000.000	552.000.000.000	620.500.000.000	620.500.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng tại các ngân hàng và Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực, một bên liên quan, và hưởng lãi suất từ 6,5% tới 7,1%/năm (2016: từ 5,8% tới 6,7%/năm).

Tại ngày báo cáo, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này.

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2017					1/1/2017				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên kết										
Công ty cổ phần thủy điện Buôn Đôn (**)	25%	25%	83.750.000.000	-	(*)	25%	25%	83.750.000.000	-	(*)
Đầu tư vào đơn vị khác										
Công ty cổ phần nhiệt điện Hải Phòng	2%	2%	108.730.000.000	-	123.300.000.000	2%	2%	108.730.000.000	-	108.730.000.000
Công ty cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh	2,3%	2,3%	114.770.927.800	29.914.646.400	84.856.281.400	2.3%	2.3%	114.770.927.800	42.716.257.907	72,054,669,893
Công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ	8,09%	8,09%	50.000.000.000	-	(*)	8.09%	8.09%	50.000.000.000	-	(*)
			273.500.927.800	29.914.646.400				273.500.927.800	42.716.257.907	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày báo cáo do không có sẵn thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư này.

(**) Công ty cổ phần Thủy Điện Buôn Đôn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6000884487 ngày 20 tháng 5 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty cổ phần thủy điện Buôn Đôn là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện năng.

Biến động trong năm của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	42.716.257.907	54.115.017.028
Hoàn nhập dự phòng trong năm (***)	(12.801.611.507)	(11.398.759.121)
Số dư cuối năm	29.914.646.400	42.716.257.907

(***) Phương pháp ước tính dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm đã thay đổi so với năm trước.

Công ty cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh và công ty cổ phần nhiệt điện Hải Phòng lần lượt đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) từ các ngày 16 tháng 3 năm 2017 và ngày 5 tháng 10 năm 2016 ("ngày niêm yết"). Do đó, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn của Công ty cho các khoản đầu tư vào hai công ty này dựa vào giá thị trường kể từ ngày niêm yết. Trước ngày niêm yết, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn của Công ty cho các khoản đầu tư vào hai công ty này được lập khi hai công ty này phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư.

7. Phải thu của khách hàng – ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Bên liên quan		
Công ty Mua bán điện	1.247.143.908.447	272.417.061.302
Bên thứ ba		
Các khách hàng khác	1.107.870.399	6.782.550.481
	1.248.251.778.846	279.199.611.783

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và thu được trong vòng 15 ngày làm việc kể từ thời điểm bên liên quan nhận được hóa đơn thanh toán hợp lệ và chính xác.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	24.723.238.888	20.224.558.334
Cổ tức phải thu	14.258.437.500	-
Các khoản phải thu khác	35.669.771.927	1.293.120.441
	74.651.448.315	21.517.678.775

9. Hàng tồn kho

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Nhiên liệu và vật tư	148.689.737.108	149.793.509.327
Công cụ và dụng cụ	198.933.350	94.673.631
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	34.730.000	-
Thành phẩm	37.786.573	40.411.465
	148.961.187.031	149.928.594.423
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho – nguyên vật liệu	-	(188.938.328)
	148.961.187.031	149.739.656.095

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	188.938.328	8.979.843.700
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(188.938.328)	(8.790.905.372)
Số dư cuối năm	-	188.938.328

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	93.107.314.527	2.311.460.047.793	30.431.664.365	41.345.102.529	2.476.344.129.214
Tăng trong năm	-	3.892.799.090	845.472.727	1.760.420.000	6.498.691.817
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	57.933.380.000	-	-	57.933.380.000
Thanh lý	-	-	-	(89.029.000)	(89.029.000)
Phân loại lại	46.800.000	-	-	(46.800.000)	-
Số dư cuối năm	93.154.114.527	2.373.286.226.883	31.277.137.092	42.969.693.529	2.540.687.172.031
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	63.037.327.724	2.190.071.181.557	27.605.105.024	36.241.746.316	2.316.955.360.621
Khấu hao trong năm	2.953.215.312		647.518.856	4.631.840.566	25.064.253.198
Thanh lý	-	-	-	(89.029.000)	(89.029.000)
Phân loại lại	9.277.088	(30.372.331)	-	21.095.243	-
Số dư cuối năm	65.999.820.124	2.206.053.682.312	28.252.623.880	40.805.653.125	2.341.930.584.819
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	30.069.986.803	121.388.866.236	2.826.559.341	5.103.356.213	159.388.768.593
Số dư cuối năm	27.154.294.403	166.372.389.781	3.024.513.212	2.164.040.404	198.756.587.212

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 2.257.688.283.885 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 2.206.978.764.830 VND).

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình bao gồm 3.011.117.583 VND quyền sử dụng đất và 877.947.256 VND phần mềm máy vi tính đã khấu hao hết từ ngày 31 tháng 12 năm 2016 nhưng vẫn đang được sử dụng.

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	18.648.769.392	3.957.034.333
Tăng trong năm	104.055.791.756	108.594.187.659
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(57.933.380.000)	(93.902.452.600)
Số dư cuối năm	64.771.181.148	18.648.769.392

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Hệ thống điều khiển tổ máy tuabin hơi	32.141.000.000	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định hữu hình	31.304.385.261	17.801.569.389
Xây dựng cơ bản khác	1.325.795.887	847.200.003
	64.771.181.148	18.648.769.392

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Dự phòng phải trả	20%	13.879.964.174	12.722.874.757

14. Phải trả người bán

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Bên liên quan		
Tập đoàn điện lực Việt Nam EVN, công ty mẹ cấp cao nhất	362.080.222	1.462.349.635
Bên thứ ba		
Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	1.126.367.411.677	-
Côngty TNHH thương mại và dịch vụ Thanh An	43.746.132.443	-
Công ty sản xuất và chế biến kinh doanh các sản phẩm khí	-	1.589.673.730
Công ty cổ phần Fuji CAC	-	9.285.045.200
Công ty TNHH GE Power Việt Nam	-	8.143.313.455
Các nhà cung cấp khác	11.470.256.609	4.584.746.288
	1.181.945.880.951	25.065.128.308
Số có khả năng trả nợ	1.181.945.880.951	25.065.128.308

Khoản phải trả thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

15. Thuế phải nộp và phải thu Ngân sách Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Cấn trừ VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	178.425.895.226	(1.304.129.408)	(177.121.765.818)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.302.328.224	17.032.695.915	(20.302.328.224)	-	17.032.695.915
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.827.108.917	(4.068.292.781)	1.241.104.358	-
Thuế khác	-	1.301.309.309	(1.301.309.309)	-	-
	20.302.328.224	200.528.386.464	(26.976.059.722)	(175.880.863.378)	17.032.695.915

(b) Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải thu trong năm VND	Cấn trừ VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	10.880.912.738	181.355.979.403	(177.121.765.818)	15.115.126.323
Thuế thu nhập cá nhân	1.386.383.116	-	1.241.104.358	2.627.487.474

16. Chi phí phải trả

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí lãi vay	1.693.385.381	1.659.301.018
Chi phí phải trả khí đã sử dụng	-	936.960.195
	1.693.385.381	2.596.261.213

17. Phải trả khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	3.734.935.870	3.429.138.030
Các khoản phải trả khác	3.204.246.115	6.713.324.303
	6.939.181.985	10.142.462.333

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017		Biến động trong năm			31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch đánh giá lại tỷ giá	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	-	-	261.000.000.000	(261.000.000.000)	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	48.778.733.097	48.778.733.097	53.039.375.511	(51.777.425.705)	4.835.391.831	54.876.074.734	54.876.074.734
	48.778.733.097	48.778.733.097	314.039.375.511	(312.777.425.705)	4.835.391.831	54.876.074.734	54.876.074.734

(b) Vay dài hạn

	1/1/2017		Biến động trong năm			31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch đánh giá lại tỷ giá	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn	487.787.330.771	487.787.330.771	-	(53.039.375.511)	59.136.717.125	493.884.672.385	493.884.672.385

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Vay dài hạn	548.760.747.119	536.566.063.868
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(54.876.074.734)	(48.778.733.097)
Hoàn trả sau 12 tháng	493.884.672.385	487.787.330.771

Vay dài hạn Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo hợp đồng cho vay lại số 2015/EVN-BARIA/EDCF ngày 1/9/2015, kế thừa từ hợp đồng vay vốn ODA số 21/TNDN ngày 20/12/2004 giữa Chi Nhánh Quỹ Hỗ Trợ Phát Triển Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Chi Nhánh Ngân Hàng Phát Triển Bà Rịa – Vũng Tàu) và Nhà Máy Điện Bà Rịa (nay là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa) với tổng mức nợ vay là 49.978.210.130 Won. Khoản vay này từ nguồn vốn vay quỹ hợp tác phát triển kinh tế Hàn Quốc – EDCF cho mục đích thực hiện dự án Đuôi Hơi 306-2 Nhà Máy Điện Bà Rịa. Thời hạn cho vay lại là 13 năm với lãi suất 2,4%/năm.

Số dư của khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 tương đương 24.989.105.060 Won sẽ được hoàn trả dần đều trong 19 kỳ nửa năm với số tiền phải thanh toán mỗi kỳ là 1.249.455.253,5 Won và lần thanh toán cuối cùng của số dư còn lại là 1.249.455.243,5 Won là ngày 20 tháng 11 năm 2027.

19. Dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả thể hiện số trích lập dự phòng cho việc sửa chữa lớn các tổ máy phát điện sẽ được thực hiện trong năm tiếp theo.

Biến động của khoản dự phòng trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	63.614.373.786	49.938.670.000
Trích lập trong năm	69.399.820.871	101.121.568.109
Sử dụng trong năm	(63.614.373.786)	(72.631.396.836)
Hoàn nhập trong năm	-	(14.814.467.487)
Số dư cuối năm	69.399.820.871	63.614.373.786

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	4.896.972.054	7.414.924.661
Trích lập trong năm	16.375.8 26.000	13.444.750.000
Sử dụng trong năm	(15.386.255.477)	(15.962.702.607)
Số dư cuối năm	5.886.542.577	4.896.972.054

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	604.856.000.000	7.560.228.689	75.099.676.551	20.017.897.139	353.129.672.863	1.060.663.475.242
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	119.839.882.160	119.839.882.160
Phân bổ vào các quỹ	-	-	14.396.872.678	323.146.250	(14.720.018.928)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(13.444.750.000)	(13.444.750.000)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(60.485.600.000)	(60.485.600.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(305.942.781)	-	(305.942.781)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	604.856.000.000	7.560.228.689	89.496.549.229	20.035.100.608	384.319.186.095	1.106.267.064.621
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	92.149.646.406	92.149.646.406
Phân bổ vào các quỹ	-	-	17.975.982.324	-	(17.975.982.324)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(16.375.826.000)	(16.375.826.000)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(60.485.600.000)	(60.485.600.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	604.856.000.000	7.560.228.689	107.472.531.553	20.035.100.608	381.631.424.177	1.121.555.285.027

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	**VND**	**Số cổ phiếu**	**VND**
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	60.485.600	604.856.000.000	60.485.600	604.856.000.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty không có biến động vốn cổ phần trong năm.

Các cổ đông của Công ty bao gồm:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	**%**	**Số cổ phiếu**	**%**
Tổng công ty Phát điện 3	48.123.557	79,56	48.123.557	79,56
Các cổ đông khác	12.362.043	20,44	12.362.043	20,44
	60.485.600	100	60.485.600	100

23. Cổ tức

Vào ngày 31 tháng 5 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 60.485.600.000 VND (2016: 60.485.600.000 VND).

24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trong vòng một năm	1.273.866.000	1.208.935.800
Trong vòng hai đến năm năm	5.201.619.500	4.835.743.200
Sau năm năm	41.825.267.000	41.003.072.550
	48.300.752.500	47.047.751.550

Cam kết thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê đất tại Khu phố Hương Giang, Phường Long Hưng, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam trong 50 năm kể từ ngày 9 tháng 5 năm 2005.

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Đã được duyệt và chưa ký kết hợp đồng	58.669.975.000	-
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	81.909.435.610	-

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2017 VND	2016 VND
Doanh thu tiêu thụ điện	2.438.661.318.782	1.659.571.756.501
Doanh thu dịch vụ khác	2.964.169.198	6.625.431.873
Doanh thu khác	2.288.865.328	1.650.062.446
	2.443.914.353.308	1.667.847.250.820

26. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2017 VND	2016 VND
Giá vốn tiêu thụ điện	2.316.010.610.635	1.535.369.469.304
Giá cung cấp dịch vụ khác	2.310.006.921	4.547.067.682
Giá vốn khác	1.880.449.986	2.608.481.046
	2.320.201.067.542	1.542.525.018.032

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi	51.541.856.136	53.905.381.158
Cổ tức được chia	28.958.002.000	12.443.750.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	15.255.848.638	65.021.651.370
	95.755.706.774	131.370.782.528

28. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	13.441.028.109	13.535.204.068
Lỗ chênh lệch tỷ giá	77.616.160.317	72.318.470.048
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(12.801.611.507)	(11.398.759.121)
	78.255.576.919	74.454.914.995

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân công	17.926.087.220	20.224.552.064
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.650.736.809	1.160.949.998
Thuế, phí và lệ phí	1.581.652.879	1.598.928.737
Chi phí khấu hao	1.274.100.416	1.267.480.876
Chi phí khác	9.845.905.769	7.670.341.752
	33.278.483.093	31.922.253.427

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.148.210.728.720	1.361.390.594.475
Chi phí nhân công	71.090.199.688	83.844.300.834
Chi phí khấu hao	25.064.253.198	20.463.008.501
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.789.207.853	15.440.111.897
Chi phí khác	91.683.532.898	93.355.017.726

31. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2017 VND	2016 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	17.032.695.915	30.493.102.953
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	1.159.974.611
	17.032.695.915	31.653.077.564
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(1.157.089.417)	(2.735.140.757)
Chi phí thuế thu nhập	15.875.606.498	28.917.936.807

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	108.025.252.904	148.757.818.967
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	21.605.050.581	29.751.563.793
Chi phí không được khấu trừ thuế	62.243.417	495.148.403
Thu nhập không chịu thuế	(5.791.687.500)	(2.488.750.000)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	1.159.974.611
	15.875.606.498	28.917.936.807

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền được tính như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (*)	92.149.646.406	119.839.882.160

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2017	2016
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm	60.485.600	60.485.600

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 1 tháng 1 năm 2017, Công ty không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng.

33. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	2017 VND	2016 VND
Cổ tức đã công bố nhưng chưa chi trả	3.734.935.870	3.429.138.030
Tài sản cố định hữu hình và xây dựng cơ bản dở dang đã mua nhưng chưa chi trả	1.308.872.360	10.200.621.262

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn điện lực Việt Nam EVN		
Chi phí lãi vay	13.441.028.109	13.535.204.068
Lãi vay đã trả	13.119.050.257	13.494.869.738
Trả nợ gốc vay	50.165.628.428	47.079.473.952
Các bên liên quan khác		
Công ty Mua bán điện		
Doanh thu tiêu thụ điện	2.438.635.132.097	1.659.543.468.331
Lương và thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát		
+ Chủ tịch Hội đồng quản trị (1 người)	786.216.000	836.756.000
+ Tổng giám đốc (1 người)	763.365.000	812.361.000
+ Phó Tổng giám đốc (2 người)	929.845.000	1.441.512.000
+ Kế toán trưởng (1 người)	613.921.000	653.545.000
+ Thành viên Hội đồng quản trị	193.214.000	265.464.000
+ Ban kiểm soát		
- Thành viên trực tiếp tham gia hoạt động SXKD	-	49.950.000
- Thành viên không trực tiếp tham gia SXKD	226.416.000	245.115.000
- Trưởng ban kiểm soát chuyên trách	695.590.000	431.715.000

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Người lập:		Người duyệt:
Huỳnh Thị Huyền Trang	Trần Thị Bảo Xuân	Nguyễn Tiến Dũng
Kế toán tổng hợp	*Kế toán trưởng*	*Tổng Giám đốc*

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 243 /NĐBR-TCKT
V/v giải trình lợi nhuận năm 2017 giảm so với cùng kỳ năm trước, chênh lệch số liệu trước và sau soát xét của kiểm toán.

Bà Rịa, ngày 29 tháng 03 năm 2018

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán,

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (BTP) xin giải trình các chênh lệch liên quan đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 như sau:

1. Giải trình nguyên nhân lợi nhuận năm 2017 giảm so với năm 2016:

Lợi nhuận trước thuế năm 2017 lãi 108,02 tỷ đồng, giảm 40,73 tỷ đồng (Năm 2016: lãi 148,75 tỷ đồng) nguyên nhân chủ yếu là do:

Chênh lệch tỷ giá: Căn cứ thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 Công ty đánh giá chênh lệch tỷ giá vốn vay có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện trong năm 2017 là 63,97 tỷ đồng, nhiều hơn 51,73 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước (Năm 2016: lỗ 12,24 tỷ đồng).

2. Giải trình nguyên nhân chênh lệch số liệu kết quả sản xuất kinh doanh trước và sau soát xét năm 2017:

Theo số liệu báo cáo tài chính trước kiểm toán lợi nhuận trước thuế năm 2017 lãi 112,86 tỷ đồng, sau kiểm toán lãi 108,02 tỷ đồng chênh lệch giảm 4,84 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu là do trước kiểm toán Công ty tạm hạch toán chi phí tiền lương SXKD điện, sau khi có số liệu quyết toán Công ty đã điều chỉnh sau kiểm toán thêm số tiền 4,6 tỷ đồng, làm lợi nhuận giảm tương ứng.

Trên đây là một số ý kiến giải trình của Công ty về các chênh lệch liên quan đến báo cáo tài chính đã được soát xét năm 2017, chúng tôi kính báo cáo Sở, quý Ủy ban và các cổ đông của Công ty được rõ.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT (để b/c);
- Thư ký Công ty;
- Lưu: VT,TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3500701305 C.T.C.P ★ CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA ★ TP. BÀ RỊA-T. BÀ RỊA VŨNG TÀU

NGUYỄN TIẾN DŨNG